

M có mặt; bà N vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T T: Ông Vũ Thành C - Phó Chủ tịch UBND huyện T T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của BQLDA đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T: Ông Nguyễn Văn V - Phó Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2019, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2011, thông qua đấu giá, ông Nguyễn C trúng đấu giá 03 lô đất liền kề:

Mỗi lô có diện tích $232m^2$ thuộc các thửa đất số 624, 623 và 624 tờ bản đồ số 3, thị trấn A. Sau đó đã được UBND huyện T T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSDĐ). Địa chỉ các thửa đất nêu trên đều tại Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Do điều kiện ở xa và chưa có nhu cầu sử dụng đất nên ông C vẫn để trống cả 03 lô đất nói trên từ năm 2011 cho đến nay. Khi có kế hoạch sử dụng đất thì ông C phát hiện thửa đất của mình bị ông Nguyễn T1 gắn cọc bê tông và rào chắn để lấn chiếm. Ông C đã báo với chính quyền địa phương là UBND thị trấn A để tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ sở theo quy định cụ thể diện tích đất do ông T1 lấn chiếm như sau:

Tại thửa đất số 622, tờ bản đồ số 3 ông T1 lấn chiếm toàn bộ có tổng diện tích $232m^2$, gồm chiều rộng 8m, chiều dài 29m.

Tại thửa đất số 623, tờ bản đồ số 3 ông T1 lấn chiếm diện tích $116 m^2$, gồm chiều rộng 4m, chiều dài 29m.

Ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T1 phải tháo dỡ tất cả các cọc bê tông và hàng rào kẽm gai đang rào chắn trên phần đất của ông C và phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/8/2019, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Năm 1990, ông Nguyễn T1 có khai hoang vùng đất tại sân bay A sát với xưởng cưa của Hợp tác xã B mà ông T1 cũng là thành viên của HTX B với diện tích đất khai hoang khoảng $1.788m^2$. Trong đó $1.442.4m^2$ là phần đất mà ông T1

khai hoang và sử dụng từ năm 1990 đến nay hiện có trong trích lục bản đồ năm 2012 do Trung tâm kỹ thuật – Sở T nguyên và Môi trường đang lưu giữ. Phần còn lại là đất của xưởng cưa khoảng 345,6m² (có sơ đồ khu đất hiện ông T1 đang giữ cụ thể là bản kê khai nộp thuế năm 2001). Sau khi khai hoang ông T1 đã trồng cây tràm và cây cảnh làm bóng mát, để tiện việc coi xưởng cưa nên năm 1996 ông T1 đã xây dựng 01 ngôi nhà gỗ để ở. Đến năm 2000 thì xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên lợp tôn bờ xi măng có các công trình vệ sinh khép kín, trên đó có xây dựng chuồng nuôi gà, nuôi lợn và sử dụng từ đó cho đến nay. Năm 2014, ông T1 lập hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ nhưng do vướng mắc thủ tục và cán bộ UBND thị trấn A nói là phải làm lại hồ sơ (đã nộp cho cán bộ địa chính thị trấn A nên chỉ còn lại bản phô tô). Khi ông T1 nộp thủ tục thì cán bộ địa chính thị trấn A nói rằng là đất đã bị đưa ra đấu giá. Tuy nhiên, UBND huyện T không cho đấu hết phần đất ông T1 khai hoang mà chỉ cho đấu 03 lô 622, 623, 624 với diện tích mỗi lô là 232m². Sau khi ông T1 biết được sự việc này đã làm đơn kiến nghị nhiều lần lên UBND huyện T nhưng không được giải quyết một cách cụ thể rõ ràng. Năm 2017 UBND huyện T có công văn số 3021/UBND-TN ngày 22/12/2017 trả lời cho ông T1 trong đó có nội dung: *“Phần đất ông T1 đang ở và sử dụng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 thì được xem xét làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định”*.

Về nguồn gốc thửa đất của ông T1 là do khai hoang và sử dụng liên tục từ năm 1990 đến nay trong toàn bộ diện tích khoảng 1.788m² (bao gồm đất ông T1 đang sử dụng 1.442,4m², đất của HTX B khoảng 345,6m² theo như trích lục bản đồ của Trung tâm kỹ thuật - Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cung cấp). Trên thực tế ông T1 đã sử dụng lô đất này từ năm 1990 và có nhiều hộ liền kề ký vào tờ khai giáp ranh để ông T1 làm thủ tục cấp GCNQSDĐ.

Năm 2001 không biết vì lý do gì mà UBND thị trấn A, Trung tâm phát triển quỹ đất và Phòng T nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện T cho đấu giá khu đất mà ông T1 đã khai hoang và sử dụng liên tục từ năm 1990. UBND huyện T đã không xem xét thực địa và không kiểm tra các lô đất đưa ra đấu giá theo đúng quy định về đấu giá tài sản dẫn đến đưa đất đang có chủ sử dụng vào đấu giá làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn đang làm đơn khiếu nại nhưng và đang đợi kết quả giải quyết của UBND huyện T thì nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Năm 2017 Chủ tịch UBND huyện T gửi văn bản hướng dẫn UBND thị trấn A xem xét cấp đất cho ông T1 có diện tích 12 x 29m nhưng đến năm 2019 thì bị khởi kiện. Ông T1 đã kiện ra UBND huyện T nhưng huyện không giải quyết và gửi qua Tòa án đề nghị giải quyết.

Quá trình khởi kiện bị đơn có làm đơn phản tố việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của Tòa án 02 cấp là không đúng quy định của pháp luật.

Ông T1 khởi kiện đề nghị hủy kết quả đấu giá vì có dấu hiệu hợp thức hóa hồ sơ và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp cho ông

Nguyễn T1; hủy các GCNQSDĐ số BG 287447, BG 287449, BG 287450 ngày 05/6/2011 cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Ngày 30/7/2021 ông Nguyễn T1 có đơn không yêu cầu giải quyết hủy các GCNQSDĐ số BG 287447, BG 287449, BG 287450 ngày 05/6/2011 cấp cho ông Nguyễn Văn C.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến số 594/UBND-TN ngày 02/3/2021 UBND huyện T T trình bày:

Việc sử dụng đất của tổ hợp cửa xẻ gỗ do ông Nguyễn T1 đại diện quản lý:

Ngày 28/5/1990 HTX B có tờ trình về việc xin tạm cấp đất tại khu vực A, xã Triệu Ái, để xây dựng cơ sở sản xuất và được UBND huyện T đồng ý cho HTX làm tạm cơ sở sản xuất, giao UBND xã Triệu Ái giải quyết mặt bằng.

Đến năm 1994 HTX sản xuất nông nghiệp B giao lại phần đất xưởng cửa của HTX B cho ông Nguyễn T1 làm đại diện quản lý.

Ngày 07/9/2006 UBND thị trấn A lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn T1 chủ doanh nghiệp tư nhân xẻ gỗ A về việc có hành vi xây dựng văn phòng làm việc trên khu đất chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và yêu cầu đình chỉ xây dựng, giữ nguyên hiện trạng, không được coi nới thêm. Ông Nguyễn T1 chấp hành theo biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 20/9/2006, ông T1 có đơn đề nghị UBND thị trấn A tạm cho phép doanh nghiệp được chuyển vào làm việc ở căn nhà nói trên, nếu sau này có kế hoạch chuyển doanh nghiệp đi nơi khác, cam đoan không đòi hỏi bồi thường Nhà nước và tự túc tháo dỡ, tiếp tục làm hồ sơ thuê đất vị trí mới theo quy định.

Ngày 19/10/2009 UBND huyện T ban hành quyết định số 1285/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết phân lô đất sản xuất Cụm công nghiệp - Làng nghề thị trấn A.

Ngày 25/11/2009 DNTN Đ do ông T1 làm chủ đã có tờ trình gửi UBND huyện T về việc xin chấp thuận dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp - Làng nghề thị trấn A, với hình thức đầu tư: Di dời và đầu tư xây dựng mới; cam kết thực hiện đúng theo Dự án được lập và tuân thủ theo quy định của pháp luật đồng thời có đơn xin thuê đất gửi UBND tỉnh Quảng Trị.

Ngày 11/02/2010 UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định 283/QĐ-UBND cho DNTN Đ thuê 5.000m² thời hạn 50 năm. Sau khi thuê được đất thì Doanh nghiệp đã tháo dỡ, di chuyển nhà xưởng, máy móc của cơ sở cửa xẻ tại khu vực sân bay vào Cụm công nghiệp - Làng nghề thị trấn A.

Về việc bồi thường, giải phóng mặt bằng liên quan đến khu đất đấu giá quyền sử dụng đất:

Ngày 18/3/2010, UBND huyện T ban hành Quyết định: 183/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phân lô khu dân cư dọc đường quốc lộ 1, khu vực sân bay thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị (tỷ lệ 1/500).

Ngày 11/8/2010, UBND huyện T đã ban hành Quyết định 765/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: cấm cọc phân lô, đo vẽ địa chính và đền bù giải phóng mặt bằng khu dân cư dọc đường QL1A (Đường T19) - Thị trấn A về phê duyệt điều chỉnh thiết kế, bổ sung dự toán tại Quyết định số: 1414/QĐ-UBND ngày 22/8/2011.

Thực hiện Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 11/8/2010 của UBND huyện T, UBND thị trấn A đã phối hợp với Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của huyện thực hiện công tác kiểm kê, áp giá và lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: cấm cọc phân lô, đo vẽ địa chính và đền bù giải phóng mặt bằng khu dân cư dọc đường QL1A (Đường T19) – Thị trấn A; tiến hành niêm yết công khai Phương án tại trụ sở UBND thị trấn A và hội trường Tiểu khu 3, 4 – thị trấn A từ ngày 20/8/2010 đến ngày 8/9/2010 theo quy định.

Ngày 13/9/2010, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện có Tờ trình số 23/TTr-HĐBTHTTĐC về việc đề nghị Phòng T Nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND huyện T phê duyệt.

Ngày 13/9/2010, Phòng T nguyên và Môi trường có Văn bản số 242/TĐ-PTNMT báo cáo kết quả thẩm định.

Ngày 17/9/2010, UBND huyện T đã ban hành Quyết định: 958/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Cấm cọc phân lô, đo vẽ địa chính và đền bù, GPMB khu dân cư đường QL1A (Đường T19) cho 99 hộ gia đình, cá nhân, với tổng số tiền 195.226.000 đồng. Các hộ gia đình, cá nhân đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định phê duyệt của UBND huyện T và tự giải tỏa, bàn giao mặt bằng cho UBND thị trấn quản lý.

Tại thời điểm kiểm kê, áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Nguyễn T1 (chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ) đã tháo dỡ, di chuyển nhà xưởng, máy móc của cơ sở cửa xe gỗ tại khu vực sân bay A cũ, hiện trạng không có tài sản trên đất (mặt bằng sạch).

Về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 287447, BG 287449, BG 287450 cho ông Nguyễn Văn C:

Ngày 02/6/2010, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện (nay là BPL Dự án ĐTXD và PTQĐ) phối hợp với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Kết quả, ông Nguyễn Văn C, địa chỉ: Phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại 03 lô đất, cụ thể:

+ Lô đất số A20, thuộc thửa đất số 622, tờ bản đồ số 03, diện tích 232m², với giá đấu trúng là: 181.000.000 đồng.

+ Lô đất số A21, thuộc thửa đất số 623, tờ bản đồ số 03, diện tích 232m², với giá đấu trúng là: 180.000.000 đồng.

+ Lô đất số A22, thuộc thửa đất số 624, tờ bản đồ số 03, diện tích 232m², với giá đấu trúng là: 179.3000.000 đồng.

Ngày 07/7/2011, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1124/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thị trấn ái Tử, huyện T, trong đó có 03 lô đất số A20, A21, A22 cho ông Nguyễn Văn C và ông C đã nộp đủ số tiền trúng đấu giá và lệ phí trước bạ theo quy định. Trên cơ sở đó, ngày 05/9/2011 UBND huyện T đã cấp 03 Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn C, cụ thể:

+ GCNQSDĐ số BG 287450 đối với thửa đất số 624;

+ GCNQSDĐ số BG 287447 đối với thửa đất số 623;

+ GCNQSDĐ số BG 287449 đối với thửa đất số 622.

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn C được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND huyện T đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện T: Thống nhất ý kiến của UBND huyện T về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS 2015, khoản 6 Điều 49; khoản 2 Điều 52; Điều 123 Luật đất đai năm 2003; Quyết định số 78/2006/QĐ-UBND ngày 06/10/2006 của UBND tỉnh Quảng Trị; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc buộc bị đơn ông Nguyễn T1 phải tháo dỡ toàn bộ các cọc bê tông và hàng rào kẽm gai đang rào chắn trên phần đất tại thửa đất 622 là 215m² và thửa đất số 623 là 119m² (các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 03 địa chỉ Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị) để trả lại cho ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về: Chi phí tố tụng, Án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 02/8/2022, bị đơn – ông Nguyễn T1 (sau đây gọi là Bị đơn) kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và đề nghị: Sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; tuyên bố giao dịch về đấu giá quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy các Giấy CNQSD đất mà UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Các đương sự

không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn T1 đề nghị: Sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; đề nghị tuyên bố giao dịch về đấu giá quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy các Giấy CNQSD đất mà UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Văn C thì thấy:

[1.1]. Năm 2011 thông qua đấu giá, ông Nguyễn Văn C trúng đấu giá 03 lô đất tại các thửa 622, 623 và 624 thuộc Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị và đã được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số BG 287449, số BG 287447, số 287450 cùng ngày 05/6/2011. Khi có dự định làm nhà thì ông C phát hiện các thửa đất thửa đất số 622, 623 bị ông Nguyễn T1 gấn cọc bê tông và rào chắn để lấn chiếm. Cụ thể diện tích bị lấn chiếm của thửa đất số 622, tờ bản đồ số 3 là 232m² và thửa đất số 623 là 116 m².

[1.2] Về đấu giá quyền sử dụng đất và cấp Giấy CNQSD đất: Bản án sơ thẩm nhận định: Ngày 17/5/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T có văn bản số 150/TB-TTPTQĐ về việc đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thị trấn A, nội dung văn bản được thông báo trên Đài Phát thanh -Truyền hình Quảng Trị, Báo Quảng Trị và được niêm yết công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá và trụ sở UBND thị trấn A.

Ngày 02/6/2010, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Kết quả, ông Nguyễn Văn C, địa chỉ: thành phố Đà Nẵng trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại 03 lô đất, cụ thể:

+ Lô đất số A20, thuộc thửa đất số 622, tờ bản đồ số 03, diện tích 232m², với giá đấu trúng là: 181.000.000 đồng.

+ Lô đất số A21, thuộc thửa đất số 623, tờ bản đồ số 03, diện tích 232m², với giá đấu trúng là: 180.000.000 đồng.

+ Lô đất số A22, thuộc thửa đất số 624, tờ bản đồ số 03, diện tích 232m², với giá đấu trúng là: 179.3000.000 đồng.

Ngày 07/7/2011, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1124/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thị trấn

A, huyện T, trong đó có 03 lô đất số A20, A21, A22 cho ông C và đã nộp đủ số tiền trúng đấu giá và lệ phí trước bạ theo quy định.

Qua xem xét hồ sơ đấu giá thấy rằng tại hồ sơ đấu giá thể hiện phiếu đấu giá, biên bản ghi nhận kết quả đấu giá ghi đấu giá thể hiện đấu giá ngày 02 tháng 6 năm 2011 nhưng quyết định phê chuẩn thể hiện ngày 01 tháng 06 năm 2011 và 14 tháng 6 năm 2011. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn về thời gian này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên không cần thiết phải hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất. Căn cứ Quyết định số 78/2006/QĐ-UBND ngày 06/10/2006 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, thì việc đấu giá quyền sử dụng đất là đúng theo quy định”. Nhận định của Bản án sơ thẩm được trích dẫn ở trên là có căn cứ. Kháng cáo của ông Nguyễn T1 yêu cầu tuyên bố giao dịch về đấu giá quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy các Giấy CNQSD đất mà UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ để chấp nhận.

[1.3]. Về lấn chiếm đất: Theo Kết quả thẩm định tại chỗ thì hiện trạng diện tích đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn T1 có các cạnh như sau (ông T1 có xây dựng hàng rào B40 để làm ranh giới trên thửa đất tranh chấp).

Cạnh phía Đông Bắc giáp đường DT 19 (đường Trường Chinh);

Cạnh phía Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Khắc Hùng đã được cấp GCNQSDĐ (ông Nguyễn T1 đang tranh chấp);

Cạnh phía Tây Nam giáp phần diện tích đất của ông Nguyễn T1 đang sử dụng (chưa được cấp GCNQSDĐ);

Cạnh phía Đông Nam giáp một phần diện tích đất của ông Nguyễn Văn C (cắt giữ thửa đất số 623, tờ bản đồ số 3);

Theo kết quả đo đạc diện tích chồng lấn thửa 622 là 215m² và thửa 623 là 119m². Bản án sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ các cọc bê tông và hàng rào kẽm gai đang rào chắn trên phần đất của ông Nguyễn C để trả lại diện tích tại thửa đất 622 là 215m² và thửa đất số 623 là 119m² là có căn cứ.

[2]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Nguyễn T1 tháo dỡ toàn bộ các cọc bê tông và hàng rào kẽm gai đang rào chắn trên phần đất của ông Nguyễn C để trả lại diện tích tại thửa đất 622 là 215m² và thửa đất số 623 là 119m² là có căn cứ. Sau khi án xử sơ thẩm, ông Nguyễn T1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông

Nguyễn T1 phải chịu án dân sự phúc thẩm, nhưng ông Nguyễn T1 là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Áp dụng: khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS 2015, khoản 6 Điều 49; khoản 2 Điều 52; Điều 123 Luật đất đai năm 2003.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc buộc bị đơn ông Nguyễn T1 phải tháo dỡ toàn bộ các cọc bê tông và hàng rào kẽm gai đang rào chắn trên phần đất tại thửa đất 622 là 215m² và thửa đất số 623 là 119m² (các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 03 địa chỉ Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị) để trả lại cho ông Nguyễn Văn C.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn T1.

3. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm; Chi phí thẩm định tại chỗ được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Trị (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến